

Bản án số: 1528/2017/HN-ST

Ngày: 20/11/2017

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung;

2. Bà Võ Thị Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2017, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2016/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2016 về việc: “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2421/2017/QĐXXST-HN ngày 23 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Khanh B – sinh năm 1961 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 20 – 22S đường L, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Tchong Vay D – sinh năm 1970 (vắng mặt).

Quốc tịch: Việt Nam.

Cư trú tại: 23 Gale WM, OL, Canada.

Địa chỉ tạm trú: 201 lô M, chung cư N, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo nguyên đơn ông Lưu Khanh B trình bày:**

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu, ông B và bà Tchong Vay D chính thức đăng ký kết hôn ngày 23/7/1991 theo giấy chứng nhận kết hôn Số 50 Quyền số 01/1991 do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn, ông B và bà Tchong Vay D chung sống với nhau một thời gian. Ngày 02/9/1991 bà Tchong Vay D xuất cảnh sang Canada theo diện đoàn tụ với người thân. Từ đó đến nay bà Tchong Vay D không hề liên lạc với ông B. Hiện nay, ông B không còn tình cảm và không muốn tiếp tục mối quan hệ vợ chồng với bà Tchong Vay D nữa nên ông yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết ông được ly hôn với bà Tchong Vay D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

***Bị đơn bà Tchong Vay D:** Vắng mặt, không rõ lý do.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:** những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: xét thấy đôi bên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Khanh B, cho ông B được ly hôn với bà Tchong Vay D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và thẩm tra các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa cùng lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2016 của nguyên đơn ông Lưu Khanh B, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án tranh chấp về quan hệ hôn nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Do bị đơn bà Tchong Vay D hiện đang cư trú tại Canada nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Căn cứ đơn xin vắng mặt tại Tòa đề ngày 07/12/2016 của nguyên đơn ông Lưu Khanh B; Căn cứ vào công văn ủy thác tư pháp số 331/TTTPHN-TLĐ ngày 11/4/2016, công văn số 1969/BTP-PLQT ngày 20/5/2016, công văn số 13/TTTPHN-TA30 ngày 18/01/2017, công văn số 780/BTP-PLQT ngày 03/3/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã gửi thông báo cho bị đơn bà Tchong Vay D về việc tổng đạt thông báo thụ lý, lấy lời khai, thông báo thời gian/ngày hòa giải, xét xử đối với bà Tchong Vay D nhưng đến nay Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn không nhận được văn bản trả lời ghi nhận ý kiến của bà về việc ly hôn với ông Lưu Khanh B. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Ông Lưu Khanh B và bà Tchong Vay D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 23/7/1991, theo giấy chứng nhận kết hôn Số 50 Quyền số 01/1991 do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, theo lời trình bày của ông B và chứng cứ trong hồ sơ thể hiện thì thời gian bà Tchong Vay D, ông B chung sống với nhau là từ ngày 23/7/1991, đến ngày 02/9/1991 bà Tchong Vay D đã đi xuất cảnh tại Canada, sau khi đi bà Tchong Vay D không còn liên lạc, quan tâm gì đến ông B, từ đó đến nay hai bên không còn quan tâm gì đến nhau, khoảng thời gian chung sống giữa hai bên quá ngắn ngủi để có thể hiểu nhau, sự xa cách về mặt địa lý đã vô hình làm hạn chế sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giữa hai bên với nhau; hai bên cũng chưa có con chung, tài sản chung không có nên tình nghĩa vợ chồng không có sự sâu đậm, sự ràng buộc, gắn bó với nhau. Ông B xác định không còn tình cảm gì với bà Tchong Vay D; Tòa án đã thông báo về yêu cầu xin ly hôn của ông B và ấn định thời gian để hòa giải, xét xử theo quy định chung nhưng không thấy bà Tchong Vay D phản hồi, chứng tỏ không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, việc duy trì mối quan hệ hôn nhân này chỉ có tính hình thức, do đó yêu cầu của ông B xin được ly hôn với bà Tchong Vay D là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn ông Lưu Khanh B phải nộp, theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông Lưu Khanh B, bà Tchong Vay D có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 262, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 121, Điều 123 và Điều 127, khoản 2 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Khanh B.

1. Về quan hệ vợ chồng: Ông Lưu Khanh B được ly hôn với bà Tchong Vay D. Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyền số 01/1991 ngày 23 tháng 7 năm 1991 do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn Ông Lưu Khanh B phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*), được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Bang đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AE/2011/02623 ngày 23 tháng 02 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lưu Khanh B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

5. Ông Lưu Khanh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Bà Tchong Vay D có quyền kháng cáo trong thời hạn theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- TAND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND Tp.HCM (1)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- UBND P.5, Q.11, Tp.HCM (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu hồ sơ vụ án (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương